

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000386

Trang : 1/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **14/04/2023**

Giờ: **09:45**

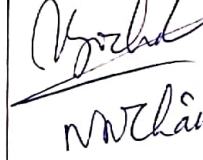
Phòng thi: **D7-39**

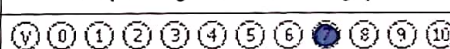
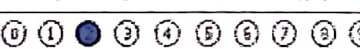
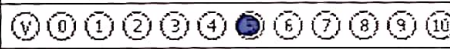
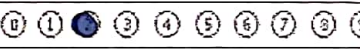
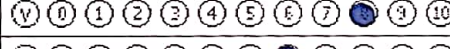
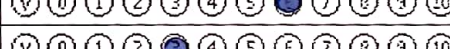
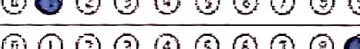
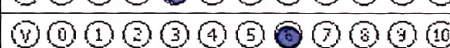
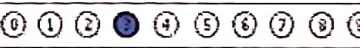
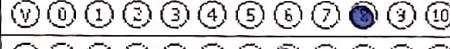
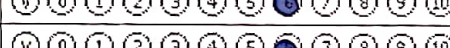
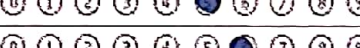
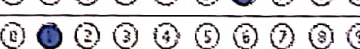
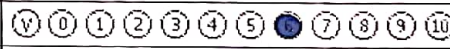
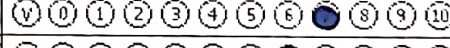
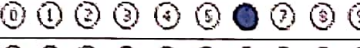
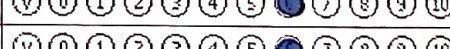
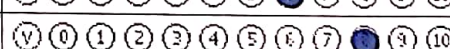
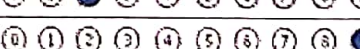
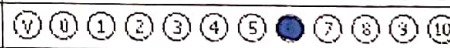
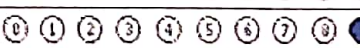
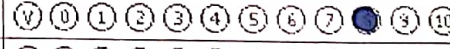
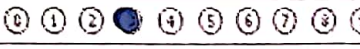
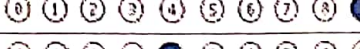
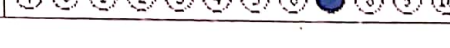
P: 44
H: 03

Số SV có mặt: **47**

Số bài thi: **.....**

Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121120532	HUỖNH THỊ LAN ANH	12/02/2003	CCQ2112P				7.6	7.0	7.2		
2	2121120485	VÕ THỊ HỒNG ANH	18/08/2003	CCQ2112N				7.8	3.4	5.2		
3	2121110321	TẠ XUÂN BẮC	13/05/2003	CCQ2111J				9.2	8.1	8.5		
4	2121110102	TRƯƠNG CHÍ DŨNG	28/10/1999	CCQ2111C				9.2	4.1	6.1		
5	2121270057	NGUYỄN THỊ HỒNG DUYÊN	22/04/2000	CCQ2127B				6.7	2.0	3.9		
6	2121120305	TRẦN KHÁNH DUYÊN	29/09/2003	CCQ2112I				7.9	5.5	6.5		
7	2121120262	HUỖNH TRUNG ĐỨC	08/02/2003	CCQ2112H				7.2	4.0	5.3		
8	2121120205	ĐỖ VŨ HOÀNG GIANG	10/04/2003	CCQ2112F				7.6	8.6	8.2		
9	2121200130	TRẦN VĂN LƯƠNG HIỀN	01/10/2002	CCQ2120D				6.4	6.6	6.5		
10	2120060041	KHÊ VĂN HIỆP	14/04/2002	CCQ2006B				6.7	6.5	6.6		
11	2121110131	NGUYỄN TẤN HOÀNG	20/12/2003	CCQ2111D				7.2	7.0	7.1		
12	2121120282	PHAN GIA HUỆ	12/09/2003	CCQ2112I				8.0	5.5	6.5		
13	2121110139	NGUYỄN VĂN HUY	11/11/2003	CCQ2111D				8.6	7.0	7.6		
14	2120060043	ĐỒNG DUY HUYNH	11/03/2002	CCQ2006B				6.6	6.5	6.5		
15	2121050013	NGUYỄN NGỌC KHA	21/11/2003	CCQ2105A				7.2	5.5	6.2		
16	2121110349	NGUYỄN TRUNG KIẾN	06/08/2003	CCQ2111J				9.5	8.5	8.9		
17	2121120145	ĐẶNG THỊ THÚY KIỀU	11/01/2003	CCQ2112E				6.6	7.1	6.9		
18	2121070006	VƯƠNG VĂN LIỄN	03/03/2003	CCQ2107A				7.8	8.7	8.3		
19	2121120410	ĐẶNG HỮU LINH	01/09/2003	CCQ2112L				7.8	2.9	4.9		
20	2121110083	NGUYỄN VÕ LINH	25/04/2003	CCQ2111C				8.5	6.7	7.4		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 28/03/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000386

Trang : 2/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **14/04/2023**

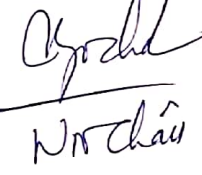
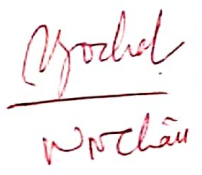
Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D7-39**

Số SV có mặt: **47**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1  H. T. Nhung	Cán bộ coi thi 2  N. T. Châu	G. Viên chấm thi 1  H. T. Nhung	G. Viên chấm thi 2  N. T. Châu
--	---	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121120315	TRIỆU THỊ KIM LINH	03/01/2003	CCQ2112I				7.6	8.3	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121150019	TRƯƠNG ĐÌNH LINH	09/07/2003	CCQ2115A				6.5	5.3	5.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121200160	NGUYỄN DUY HỒ NGỌC LONG	05/07/2003	CCQ2120E				7.2	7.7	7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121170527	NGUYỄN DUY LỘC	11/07/2003	CCQ2117P				7.4	4.3	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121110091	VÕ THỊ KIM MẾN	02/11/2003	CCQ2111C				9.6	8.3	8.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121110354	TRẦN NGỌC MỸ	11/09/2003	CCQ2111C				9.5	8.3	8.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120030121	NGUYỄN VĂN NAM	17/08/2002	CCQ2003D				7.2	1.0	3.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121120474	DANH THỊ TUYẾT NGỌC	05/05/2003	CCQ2112N				8.2	8.1	8.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120120469	NGUYỄN CHÍ NGUYỄN	29/09/2002	CCQ2012N				6.1			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121110116	NGUYỄN THIÊN NHÂN	18/08/2003	CCQ2111D				8.6	7.0	7.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121260002	TRẦN YẾN NHI	01/01/2003	CCQ2126A				8.7	7.2	7.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121120398	PHAN THỊ HỒNG NHUNG	05/08/2003	CCQ2112L				9.0	8.2	8.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121120347	VƯƠNG THỊ TÚ NHƯ	02/02/2002	CCQ2112J				8.4	8.2	8.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120120598	NGUYỄN HỮU THÁI QUANG	17/08/2002	CCQ2012Q				8.3	6.0	6.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121110077	ĐẶNG ANH QUỐC	26/10/2003	CCQ2111C				9.0	6.4	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2121110076	TRẦN THANH THÁI	02/08/2003	CCQ2111C				9.1	7.2	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2121120362	LÊ THỊ THẨM	10/06/2003	CCQ2112K				9.3	8.6	8.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2121110090	NGUYỄN HỮU THI	31/10/2003	CCQ2111C				7.9	5.5	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2121270061	ĐỖ THỊ THANH THỦY	12/01/2003	CCQ2127B				9.7	7.7	8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2121120401	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	08/04/2003	CCQ2112L				8.8	8.0	8.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23** Tổ: **001**

Ngày thi: **14/04/2023** Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D7-39**

Mã nhận dạng: 000386

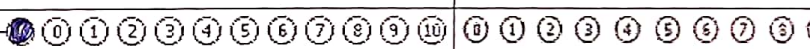
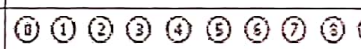
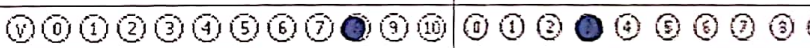
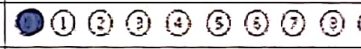
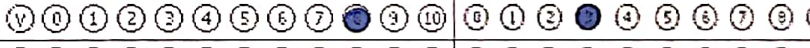
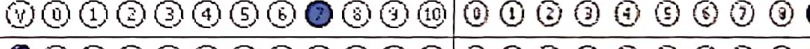
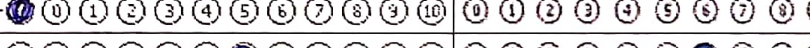
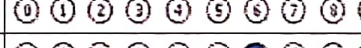
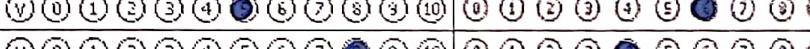
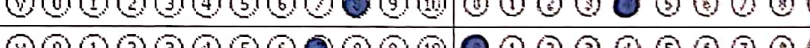
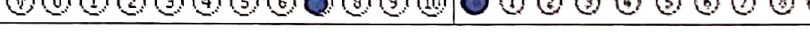
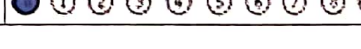
Trang : 3/3

Số SV có mặt: 47

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 HT. Hong	 VN. Chau	 N. P. Hong	 VN. Chau

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121260057	MAI THỊ MỸ TIẾN	27/06/2003	CCQ2126B								
42	2121110330	TRẦN LÊ TIẾN	11/05/2003	CCQ2111J				8.8	8.0	8.3		
43	2121110360	CHÂU QUỐC TOÀN	18/12/1999	CCQ2111C				7.9	8.0	8.0		
44	2121120456	LÊ THỦY TRANG	11/05/2003	CCQ2112N				8.3	7.0	7.5		
45	2121110326	TRẦN VĂN TRUNG	22/11/2003	CCQ2111J				8.6	8.1	8.3		
46	2121110327	PHAN NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG	25/11/2003	CCQ2111J				8.6	7.4	7.9		
47	2122100407	LÊ MINH TÚ	14/08/1994	CCQ2210K				6.3				
48	2121200047	HUỖNH NGUYỄN ANH VŨ	19/10/2003	CCQ2120B				8.0	4.0	5.6		
49	2121110317	NGUYỄN HOÀNG VŨ	26/05/2003	CCQ2111J				9.3	7.8	8.4		
50	2121110084	ĐỖ THỊ TUYẾT XUÂN	31/12/2003	CCQ2111C				9.3	6.4	7.0		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000385

Trang : 1/2

Môn học: Anh văn 3 (224016) - Nhóm 01

Đợt thi: HK2, ĐỢT 1 22-23

Tổ: 001

Ngày thi: 14/04/2023

Giờ: 14:45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 1

Số tờ giấy thi: 1

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121120063	NGÔ THỊ NGỌC BÍCH	23/01/2003	CCQ2112B				9.2	85	8.8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121170595	TRẦN QUỐC DÂN	31/03/2003	CCQ2117Q				8.0	40	5.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2120170722	NGÔ QUANG ĐÀI	22/10/2001	CCQ2017M							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2120200211	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	03/03/2001	CCQ2020G							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121170576	TRIỆU TIẾN ĐẠT	08/01/2003	CCQ2117Q				9.0	74	8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121120327	LÊ GIA HÂN	01/10/2003	CCQ2112J				8.9	62	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121120153	LÊ VĂN HIỆP	01/07/2003	CCQ2112E				8.9	32	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121170683	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	09/07/2003	CCQ2117Q				9.2	74	8.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2120170082	LÊ THIÊN HOÀNG	12/12/2001	CCQ2017C							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121120179	VÕ VƯƠNG HUY	10/01/2003	CCQ2112F				8.5	32	5.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2120110083	HOÀNG VĂN HUỖNH	22/09/2001	CCQ2012R				7.2	32	4.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2120170189	ĐOÀN QUỐC KIÊN	02/12/2002	CCQ2017F				7.0	28	4.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2120200307	LÊ THỊ MAI LY	20/04/2002	CCQ2020I				8.2	31	5.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121120210	HỒ CẢNH MẠNH	25/10/2003	CCQ2112F				7.8	42	5.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2119110323	LƯU ĐỨC MINH	22/02/1999	CCQ1911J				9.0	90	9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121270110	NGUYỄN HOÀNG KIM NGÂN	15/01/2003	CCQ2127D							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121170581	PHẠM ĐÌNH NGỌC	10/04/2003	CCQ2117Q				9.0	90	9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121120192	PHẠM THỊ THANH NHÀN	10/12/2003	CCQ2112F				8.5	32	5.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2120270122	NGÔ TRẦN Ý NHI	24/06/2002	CCQ2027D				8.0	36	5.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2120170198	NGUYỄN NHẬT QUANG	25/09/2002	CCQ2017F				7.0	32	4.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 28/03/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000385

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **14/04/2023**

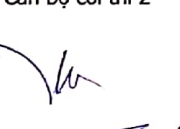
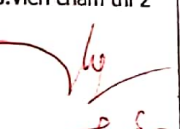
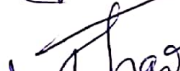
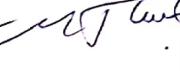
Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D6-33**

Số SV có mặt: **24**

Số bài thi: **.....**

Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120170300	NGUYỄN THANH SANG	23/05/2002	CCQ2017I				7.8	27	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121120417	TRẦN NGỌC SƠN	16/01/1996	CCQ2112L				9.6	87	9.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121170571	TRẦN VĂN THIẾT	22/01/2003	CCQ2117Q				8.5	44	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120170557	BÙI PHẠM VƯƠNG TRÍ	22/10/2002	CCQ2017P				8.2	1.5	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121120164	TRẦN MINH TRÍ	09/01/2003	CCQ2112E				8.8	77	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120030136	HOÀNG VĂN TUẤN	05/06/2002	CCQ2003D				8.3	42	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121120302	HUỖNH THỊ THANH TUYỀN	20/11/2003	CCQ2112I				8.9	55	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121120181	CAO THỊ KIM VÂN	24/10/2003	CCQ2112F				8.0	32	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 11**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **15/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D6-32**

Đầu: 40
H: 0

Số SV có mặt: **42**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Mã nhận dạng: **000387**

Trang : 1/3

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120110211	ĐÀO VĨNH AN	18/08/2002	CCQ2007B				0	Cam Hi		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121260118	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỚC ANH	13/03/2003	CCQ2126D				9.1	75	81	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2120110213	NGUYỄN VĂN QUỐC BẢO	10/04/2002	CCQ2007B				0	Cam Hi		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121100303	THÁI THỊ THÙY DUNG	16/04/2003	CCQ2110I				8.3	51	64	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121170448	NGUYỄN QUỐC DUY	16/02/2003	CCQ2117M				6.5	54	55	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121120196	PHẠM TRUNG DƯƠNG	13/07/2003	CCQ2112F				7.2	54	56	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2120120613	TRẦN VĂN ĐỨC	09/12/2002	CCQ2012R				8.2			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121260105	PHẠM THỊ CẨM HÀ	03/01/2003	CCQ2126C				8.8	84	86	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121100058	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	21/09/2003	CCQ2110B				7.0	65	67	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121260121	NGUYỄN DƯƠNG GIA HÂN	22/07/2003	CCQ2126D				8.6	71	77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121260063	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	06/12/2003	CCQ2126B				7.6	58	65	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121170438	NGUYỄN XUÂN HẬU	29/10/2003	CCQ2117M				7.1	54	61	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121270108	ĐOÀN LÝ DẠ HOA	12/09/2003	CCQ2127D				8.4	59	69	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
14	2121100014	VÕ THỊ HÒA	10/04/2003	CCQ2110A				8.3	69	75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121120118	DƯƠNG THỊ HỒNG	30/10/2003	CCQ2112D				6.5	77	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121100010	BÙI ĐOÀN THÙY LINH	05/02/2003	CCQ2110A				8.2	81	81	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121100283	LÊ THỊ NGÀ	20/08/2003	CCQ2110I				7.8	48	60	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121120373	DƯƠNG THỊ KIM NGÂN	10/08/2003	CCQ2112K				7.2	41	53	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121120407	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	08/07/2003	CCQ2112L				8.1	57	67	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121120449	PHẠM ĐÌNH NGUYỄN	13/01/2003	CCQ2112M				7.2	54	61	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 28/03/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000387

Trang : 2/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 11**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23** Tổ: **001**

Ngày thi: **15/04/2023** Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D6-32**

Số SV có mặt: **110**

Số bài thi: **.....**

Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1 <i>T.T. Anh Hùng</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Ng. Văn</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>T.T. Anh Hùng</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Ng. Văn</i>
--	------------------------------------	---	-------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121120511	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	12/12/2003	CCQ21120			<i>Nguyet</i>	9.0	92	91	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2120070047	NGUYỄN THÀNH NHÂN	24/07/1999	CCQ2007B			<i>Ph</i>	5.5	53	54	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121120611	NGUYỄN THỊ YẾN	12/11/2003	CCQ2112R			<i>nhu</i>	9.6	89	92	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121260077	HUỖNH NHƯ	02/02/2003	CCQ2126C			<i>Phu</i>	9.1	58	71	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2120170617	NGUYỄN TUẤN	15/11/2001	CCQ2017R				0	Cấm thi		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2121100157	LÊ TẠ HOÀI	14/12/2003	CCQ2110E			<i>Phong</i>	9.0	88	89	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
27	2121120142	NGUYỄN PHAN HỒNG PHƯƠNG	12/09/2003	CCQ2112E			<i>Phuong</i>	8.0	52	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2120110256	ĐÀO THÀNH QUAN	17/07/2002	CCQ2011H				0	Cấm thi		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2120030190	CHÂU TRẦN VINH	06/11/2000	CCQ2003F			<i>Anhang</i>	5.8	71	66	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2121260115	LÊ NGUYỄN NHƯ QUỲNH	15/05/2003	CCQ2126D			<i>Luu</i>	9.5	85	89	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
31	2121260117	NGUYỄN THỊ MỸ QUỲNH	22/10/2003	CCQ2126D			<i>Quu</i>	9.5	82	87	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2121110119	TRẦN THÁI SƠN	18/10/2003	CCQ2127D			<i>Son</i>	8.4	49	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2120040030	BÙI KHẮC TÀI	09/06/2002	CCQ2004A				4.6			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2120120600	NGUYỄN TUẤN TÀI	23/04/2002	CCQ2012Q				1.7			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2121120489	TRƯƠNG THỊ MỸ TÂM	13/12/2003	CCQ2112N			<i>Mytan</i>	7.5	51	61	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2120120747	HUỖNH CÔNG THÀNH	05/06/2002	CCQ2017R				1.7	Cấm thi		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2121120146	BÙI THỊ NGỌC THẢO	27/05/2003	CCQ2112E			<i>Thao</i>	7.5	63	68	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2120120735	CAO NHƯ THỊNH	25/03/2002	CCQ2017O				1.9	Cấm thi		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2121260073	LÊ NỮ ANH THƯ	23/09/2001	CCQ2126C			<i>Thu</i>	9.1	86	88	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2121100116	NGUYỄN THỊ THÚY TIẾN	30/01/2003	CCQ2110D				8.5	71	71	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 11**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23** Tổ: **001**

Ngày thi: **15/04/2023** Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D6-32**

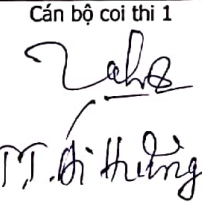
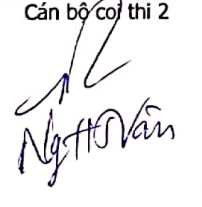
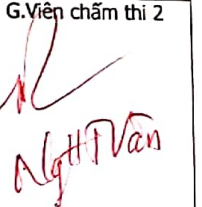
Mã nhận dạng: **000387**

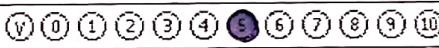
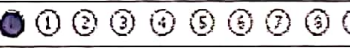
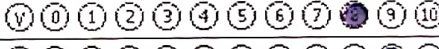
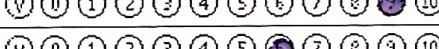
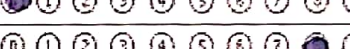
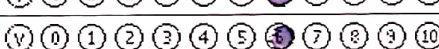
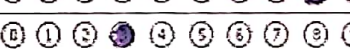
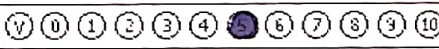
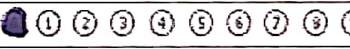
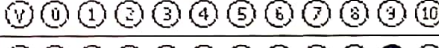
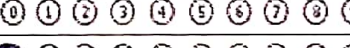
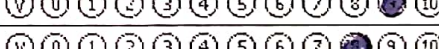
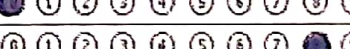
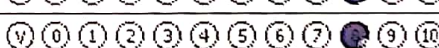
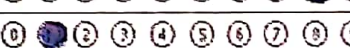
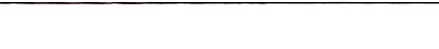
Trang : 3/3

Số SV có mặt: **10**

Số bài thi: **.....**

Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121100107	LÊ THỊ NGỌC TRÂM	17/02/2003	CCQ2112R				6.7	39	50		
42	2121120232	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	26/02/2003	CCQ2112G				8.1	79	80		
43	2121260097	LÊ THỊ QUẾ TRÂN	17/05/2003	CCQ2126C				9.1	90	90		
44	2120170558	NGUYỄN THANH TRUNG	26/12/2002	CCQ2017P				5.1	80	68		
45	2120120173	PHẠM GIA TRƯỜNG	23/09/2001	CCQ2012E				7.4	56	63		
46	2120120632	PHẠM QUANG TRƯỜNG	02/09/2002	CCQ2012B				6.0	44	50		
47	2120170071	TRẦN QUỐC TUẤN	29/12/2002	CCQ2012Q				0	0	0		
48	2121100150	TRẦN NGUYỄN THANH VÂN	29/08/2003	CCQ2110E				8.7	92	90		
49	2121120556	ĐẶNG THỊ NHƯ Ý	03/12/2003	CCQ2112P				8.9	87	88		
50	2121120266	TRẦN THỊ NHƯ Ý	18/11/2003	CCQ2112H				8.5	78	81		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 13**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **15/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D6-33**

Đ: 43
H: 03

Số SV có mặt: 46.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Mã nhận dạng: 000388

Trang : 1/3

Cán bộ coi thi 1 <i>Ni loan</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Trần Thị Thu</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Thị Thu</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Trần Thị Thu</i>
------------------------------------	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121100104	PHÙNG NGUYỄN GIA BẢO	29/06/2003	CCQ2110C			<i>[Signature]</i>	8,1	7,6	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121110347	LÊ VĂN HẬU	06/06/2003	CCQ2111J			<i>[Signature]</i>	6,1	3,3	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121120487	LÊ THANH HIỆP	25/12/2003	CCQ2112N			<i>[Signature]</i>	10	8,9	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121110296	PHAN ĐÌNH HIẾU	30/09/2003	CCQ2111I			<i>[Signature]</i>	9,4	9,4	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121100051	PHẠM THỊ BÍCH	20/02/2003	CCQ2110B			<i>[Signature]</i>	7,3	7,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120170147	ĐẶNG ANH HOÀI	07/12/2002	CCQ2017E			<i>Cán thi</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121260005	TRẦN THỊ HỒNG	18/06/2003	CCQ2126A			<i>[Signature]</i>	6,1	7,2	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121030021	NGÔ QUANG HUY	25/06/2003	CCQ2103A			<i>[Signature]</i>	7,4	7,0	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121120518	VŨ MẠNH KHẢI	01/08/2003	CCQ2112O			<i>[Signature]</i>	8,5	7,0	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121270089	TRẦN THỊ THU LAN	07/01/2003	CCQ2127C			<i>[Signature]</i>	6,3	7,8	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121120394	VÕ THỊ MỸ LÊ	15/06/2003	CCQ2112L			<i>[Signature]</i>	6,5	6,2	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121210041	LÊ PHƯƠNG LINH	17/11/2003	CCQ2121D			<i>[Signature]</i>	9,5	7,6	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121110335	NGUYỄN HOÀNG HOÀI LINH	16/07/2003	CCQ2111J			<i>[Signature]</i>	8,4	8,0	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121270076	NGUYỄN THỊ LINH	19/08/2003	CCQ2127C			<i>[Signature]</i>	6,4	7,8	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121270090	NGUYỄN THỊ THỦY LINH	15/07/2003	CCQ2127C			<i>[Signature]</i>	6,9	7,2	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121120548	NGUYỄN TRẦN THẢO LINH	13/12/2003	CCQ2112P			<i>[Signature]</i>	7,2	7,9	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121120405	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	29/06/2003	CCQ2112L			<i>[Signature]</i>	9,2	7,4	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121260061	TRẦN LÊ CẨM LY	31/05/2003	CCQ2126B			<i>[Signature]</i>	5,0	3,2	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121210058	VÕ THỊ CẨM LY	20/12/2003	CCQ2121D			<i>[Signature]</i>	10	7,9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121270112	DƯƠNG THỊ TUYẾT MAI	10/01/2003	CCQ2127D			<i>[Signature]</i>	7,2	5,8	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 28/03/2023

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000388

Trang : 2/3

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 13**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **15/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D6-33**

Số SV có mặt: **46**

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120170407	VÕ PHẠM MINH MÃN	04/09/2002	CCQ2017L				61	00	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121170359	NGUYỄN VĂN NHÂN	08/10/2003	CCQ2117K				46	—	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121150048	PHAN THÀNH NHÂN	18/10/2003	CCQ2115B				64	55	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120110155	PHẠM HOÀNG NHẬT	31/05/2002	CCQ2011E				72	66	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121120522	PHẠM THỊ THUÝ	22/03/2003	CCQ2112O				85	67	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121210040	CHÂU HỒ NGỌC	24/07/2003	CCQ2121D				97	81	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121170616	PHẠM NGỌC PHÁT	11/02/2003	CCQ2117R				90	57	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121120310	NGUYỄN THỊ YẾN	17/05/2003	CCQ2112I				78	76	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121170586	NGUYỄN HOÀNG NHẬT QUANG	06/03/2003	CCQ2117Q				85	75	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121170630	NGUYỄN TRUNG QUÂN	21/05/2003	CCQ2117R				76	53	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121260037	HỒ NGUYỄN NHƯ QUỲNH	01/10/2003	CCQ2126B				69	45	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121120470	NGUYỄN TRỌNG SANG	07/09/2003	CCQ2112N				83	81	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120110124	VÕ HỒ XUÂN	06/02/2002	CCQ2011D				69	46	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2121110289	PHAN ANH TÀI	05/05/2003	CCQ2111I				88	94	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121210052	NGUYỄN THỊ NHÂN TÂM	02/04/2003	CCQ2121D				97	78	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2121210096	NGUYỄN THỊ THU TÂM	11/01/2003	CCQ2121D				10	89	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2121150047	ĐÀO DUY THÁI	24/11/2003	CCQ2115B				68	72	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2121210053	NGUYỄN NGỌC THANH	03/07/2003	CCQ2121D				96	73	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2121260013	HUỖNH PHẠM PHƯƠNG THẢO	05/09/2003	CCQ2126A				60	75	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2121150042	ĐỖ THÀNH THI	17/07/2002	CCQ2115B				74	71	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Anh văn 3 (224016) - Nhóm 13**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **15/04/2023**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D6-33**

Mã nhận dạng: 000388

Trang : 3/3

Số SV có mặt: 46

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121270075	TRẦN THỊ THỦY TIỀN	11/09/2002	CCQ2127C				7.0	46	56	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2121150041	NGUYỄN HỮU TỒN	14/12/2003	CCQ2115B				6.4	42	51	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2121270081	LÊ THỊ KIỀU TRANG	13/10/2002	CCQ2127C				5.5	72	65	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2121120390	ĐẶNG LÊ PHƯƠNG TRÚC	17/10/2002	CCQ2112L				9.8	65	7.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2121110294	PHAN ANH TUẤN	13/08/2003	CCQ2111I				8.8	64	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	2120170420	NGUYỄN XUÂN TÙNG	19/01/2002	CCQ2017L				1.9			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	2121120428	PHẠM THỊ NGỌC TUYẾN	06/02/2003	CCQ2112M				10	78	8.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	2121270117	MAI THỊ THU UYÊN	26/01/2003	CCQ2127D				7.8	45	5.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	2121120506	NGUYỄN THỊ MỸ VÂN	22/09/2003	CCQ2112O				8.3	70	7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi